

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 250/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Hải

2. Ông Hà Nguyễn Minh Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 0926/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Đình Hoàng P, sinh năm 1980 (có mặt).

Nơi cư trú: 1 Đường T, Khu phố A (Khu phố C cũ), phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hải V, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: căn hộ H, chung cư G, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Đình Hoàng P trình bày: chung cu

Ông Phạm Đình Hoàng P và bà Nguyễn Thị Hải V tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 02/08 ngày 23/5/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống, cả hai bất đồng quan điểm về mọi mặt, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn sự tin tưởng nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu được ly hôn với bà V để ổn định cuộc sống.

Ông P và bà V có 02 con chung là trẻ Phạm Hoàng P1, sinh ngày 23/10/2009 và trẻ Phạm Hải N, sinh ngày 26/10/2012. Ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Ông P tự khai không có tài sản chung và nợ chung với bà V nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bà V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai với nội dung:

Bà V đồng ý ly hôn với ông P. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, nhưng nếu ông P giáo dục, chăm lo tốt cho các con thì bà V đồng ý giao 02 con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà V trình bày ông P có trách nhiệm thực thi các thỏa thuận riêng về tài sản và không đề cập đến vấn đề nợ chung với ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ông Phạm Đình Hoàng P yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hải V, bà V có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Hải V vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án nhưng bà V vắng mặt. Vì vậy, bà V đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết

luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập để làm cơ sở giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 02/08 ngày 23/5/2008 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Phạm Đình Hoàng P với bà Nguyễn Thị Hải V là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa ông P và bà V đã không còn sự chia sẻ lẫn nhau dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của ông P và bà V dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông P yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 407, quyền số 02/2009 ngày 07/12/2009 và Trích lục khai sinh số 471/TLKS-BS ngày 08/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông Phạm Đình Hoàng P với bà Nguyễn Thị Hải V có 02 con chung là trẻ Phạm Hoàng P1, sinh ngày 23/10/2009 và trẻ Phạm Hải N, sinh ngày 26/10/2012. Ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến khi thành niên và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi thành niên. Nếu ông P giáo dục, chăm lo tốt cho các con thì bà V đồng ý giao 02 con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con của ông P và bà V. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con. Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thương yêu con, chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

Ngoài ra, cha mẹ còn có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Bà V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con nhưng bà không có mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án. Bà V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình vì vậy yêu cầu của ông P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Phạm Hoàng P1, sinh ngày 23/10/2009 và trẻ Phạm Hải N, sinh ngày 26/10/2012 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Đình Hoàng P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Phạm Đình Hoàng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Đình Hoàng P và bà Nguyễn Thị Hải V.

1.2 Về con chung: Ông Phạm Đình Hoàng P và bà Nguyễn Thị Hải V có 02 (hai) con chung là trẻ Phạm Hoàng P1, sinh ngày 23/10/2009 và Phạm Hải N, sinh ngày 26/10/2012

Giao trẻ Phạm Hoàng P1 và trẻ Phạm Hải N cho ông Phạm Đình Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận việc ông P không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của ông P và bà V đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Đình Hoàng P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Tòa án:

Ông Phạm Đình Hoàng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005296 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P đã nộp đủ án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ

sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh